

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/DS-PT

Ngày 11 tháng 6 năm 2021

*V/v Kiện đòi tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Hà

*Các Thẩm phán:* Bà Lương Hải Yến và ông Vũ Duy Luân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:**

Bà Trương Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2021/TLPT-DS ngày 27 tháng 4 năm 2021 về việc “Kiện đòi tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 05 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 34/2021/QĐPT-DS ngày 20 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị N, sinh năm 1969 và ông Nguyễn Đức T (S), sinh năm 1962; đều trú tại: Thôn N, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Bà N, ông S có mặt.

2. *Bị đơn kháng cáo:* Bà Lại Thị Q, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Có đơn xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

\* *Nguyên đơn bà N, ông T trình bày:* Năm 2017 và năm 2018, ông bà bán thóc cho bà Lại Thị Q với giá thóc giao động từ 7.000 đồng đến 8.000 đồng/1 kg. Ông bà bán cho bà Q nhiều lần, mỗi lần đều ghi chép cụ thể. Tính đến tháng 8/2018 (âm lịch), bà Q còn nợ gia đình ông bà số tiền 151.276.000 đồng. Ông bà nhiều lần đòi bà Q nhưng bà Q không trả. Ngày 12/11/2018, bà Q cam kết sẽ trả nợ số tiền trên và lấy 100m<sup>2</sup> đất kho thóc làm tài sản bảo đảm. Đến nay bà Q vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay ông bà yêu cầu bà Q phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền 151.276.000 đồng. Ông bà không yêu cầu bà Q phải trả lãi đối với khoản nợ trên.

\* *Bị đơn bà Q trình bày:* Ông T và bà N bán thóc cho bà từ năm 2016 và bà đã chuyển thành cho thuê với số tiền là 79.811.000 đồng. Bà N, ông T thường xuyên lấy tiền ra, tiền vào, không dùng tiền thì lãi gửi lại với lãi suất là 1%/1 tháng. Năm 2017, ông T, bà N có bán thóc cho bà với số tiền 119.159.000 đồng. Năm 2018, ông T, bà N bán thóc cho bà với số tiền 37.829.000 đồng và thành cho thuê với lãi suất là 1%/1 tháng. Bà đã trả cho bà N, ông T khi cần dùng đến. Ngày 06/10/2018 (âm lịch) bà N, ông T đến nhà bà bắt bà phải ký bảo đảm bằng 100m<sup>2</sup> đất kho thóc, bà hẹn vợ chồng bà N đến tháng 02/2019 sẽ trả tiền. Ngày 27/02/2019 (âm lịch) bà đã gọi bà N đến trả cho bà N 75.000.000 đồng nhưng bà N, ông T không đồng ý, không lấy tiền mà bắt bà phải trả 100m<sup>2</sup> đất ngoài mặt đường thuộc tờ bản đồ số 09, diện tích 407,7m<sup>2</sup> tại thôn Tế Quan, xã Đông Vinh. Bà có đưa ra giá bán đất là 3.000.000 đồng/m<sup>2</sup> đất, trên có nhà mái tôn nhưng bà N, ông T không đồng ý mà ép gia đình bà phải trả 100m<sup>2</sup> đất với giá 151.276.000 đồng nhưng bà không đồng ý. Sau thời gian đó, bà N liên tục kéo người đến nhà phá hoại cây cối. Ngày 27/8/2019 (âm lịch), bà N, ông T cùng nhiều người mang theo khóa, vật liệu xây dựng đến xây vít kho thóc và đuổi bà ra khỏi nơi kinh doanh.

Bà Q xác định có 02 phương thức trả tiền cho bà N, ông T là: Trả 75.000.000 đồng hoặc lấy 100m<sup>2</sup> đất với giá 3.000.000 đồng/1m<sup>2</sup> đất nhưng ông T, bà N không đồng ý nên bà xác định bà không nợ tiền ông T, bà N.

Bản án số 03/2021/DS-ST ngày 05 tháng 3 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xử:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 119, khoản 1 Điều 275, Điều 280, Điều 463, Điều 465, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị N, ông Nguyễn Đức T (S) đối với bà Lại Thị Q.

- Buộc bà Lại Thị Q có nghĩa vụ trả nợ cho bà Lê Thị N, ông Nguyễn Đức T (S) số tiền 151.276.000 đồng (một trăm năm mươi một triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

- Chấp nhận việc bà N, ông T không yêu cầu bà Lại Thị Q phải chịu lãi suất trên số tiền nợ.

2. Về án phí: Bà Lại Thị Q phải chịu 7.563.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại bà Lê Thị N số tiền 5.000.000 đồng đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình theo biên lai thu số 0006391 ngày 07/10/2020.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.*

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 09/4/2021, bà Lại Thị Q kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị xét xử lại.

Bà Lại Thị Q xin vắng mặt tại phiên tòa và có quan điểm vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bà Q thừa nhận còn nợ bà N, ông T 75.000.000 đồng (không phải nợ số tiền 151.276.000 đồng như bà N, ông T trình bày), bà đã đồng ý trả số tiền này cho bà N, ông T hoặc bà N lấy 100m<sup>2</sup> đất của bà với giá 3.000.000 đồng/1m<sup>2</sup> nhưng ông T, bà N không lấy tiền, cũng không lấy đất. Do vậy, bà Q không có nghĩa vụ phải trả bà N, ông T số tiền 151.276.000 đồng nữa.

Nguyên đơn ông T, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với kháng cáo của bà Lại Thị Q và đề nghị Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử không chấp nhận kháng cáo của bà Lại Thị Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Lại Thị Q nộp trong thời hạn luật định là kháng cáo hợp pháp nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Bà Lại Thị Q có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt người kháng cáo là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Q thì thấy: Bà Q thừa nhận có việc vay thóc của ông T, bà N vào các năm 2017, 2018 và số thóc này đã quy đổi thành tiền là 156.988.000 đồng. Nhưng bà Q cho rằng số tiền này đã được ông T, bà N thỏa thuận chuyển thành tiền cho bà Q vay để lấy lãi 1%/1 tháng; quá trình gửi tiền, ông T, bà N đã nhiều lần lấy lãi và gốc nên chỉ còn lại 75.000.000 đồng; khi ông T, bà N đòi nợ gốc thì bà khất nợ sẽ trả nợ dần đến tháng 02/2019; khi đến hạn trả nợ bà Q đã gọi ông T, bà N đến nhà để trả 75 triệu nợ gốc còn lại nhưng ông T, bà N không đồng ý mà còn bắt bà phải bán 100m<sup>2</sup> đất với giá 151.276.000 đồng nhưng bà không đồng ý nên ông T, bà N đã ép buộc bà phải ký vào sổ nhận nợ với số tiền là 151.276.000 đồng vào 06/10/2018 (âm lịch). Tuy nhiên, toàn bộ những lời khai này của bà Q đều không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào giấy nhận nợ ngày 06/10/2018 (âm lịch) do bà Q viết và ký tên để buộc bà Q có nghĩa vụ trả nợ cho ông T, bà N là có cơ sở và đúng pháp luật. Bà Q không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới làm thay đổi nội dung vụ án cũng như chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Lại Thị Q. Tuy nhiên, tại phần quyết định

của bản án sơ thẩm tuyên “Chấp nhận việc bà N, ông T không yêu cầu bà Lại Thị Q phải chịu lãi suất trên số tiền nợ” là không cần thiết, bởi yêu cầu khởi kiện của bà N, ông T là yêu cầu trả nợ tiền thóc và xác định việc vay nợ này không tính lãi suất và không yêu cầu tính lãi suất. Các đương sự không yêu cầu thì Tòa án không giải quyết nên không phải tuyên chấp nhận việc các đương sự không yêu cầu giải quyết về một quan hệ pháp luật khác. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

[4] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của bà Lại Thị Q không được chấp nhận nhưng bản án bị sửa nên bà Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự, sửa bản án sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 05 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

1.1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 119, khoản 1 Điều 275, Điều 280, Điều 463, Điều 465, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1.2. Xử chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị N, ông Nguyễn Đức T (S) đối với bà Lại Thị Q. Buộc bà Lại Thị Q có nghĩa vụ trả nợ cho bà Lê Thị N, ông Nguyễn Đức T (S) 151.276.000 đồng (một trăm năm mươi một triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

1.3. Về án phí: Bà Lại Thị Q phải chịu 7.563.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại bà Lê Thị N số tiền 5.000.000 đồng đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình theo biên lai thu số 0006391 ngày 07/10/2020.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.*

2. Về án phí: Bà Lại Thị Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại bà Lại Thị Q 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002735 ngày 09/4/2021 tại Chi cục Thi hành án huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

3. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 11/6/2021.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TA, THA huyện Đông Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu HC-TP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Hà**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Hải Yên**

**Vũ Duy Luân**

**Đỗ Thị Hà**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**





